

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2025/LĐ-ST
Ngày: 15 – 8 – 2025
“Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm
xã hội sau khi chấm dứt hợp đồng lao động”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Nguyễn Thanh Hoàng.
- Bà: Nguyễn Thị Rạt

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Đông Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 251/2024/TLST – LĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội sau khi chấm dứt hợp đồng lao động”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST – LĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-LĐ ngày 01/8/2025, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Công C, sinh năm 1986;

CCCD số: 089086006567.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện nay: Ấp A, xã A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn S, xuất xuất nhập khẩu JIN JU PLUS VINA.

Địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Địa chỉ hiện nay: Ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông W (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội tỉnh T (Kế thừa quyền, nghĩa vụ của BHXH tỉnh L).

Địa chỉ trụ sở: Số H, đường T, phường T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang T – Chức vụ: Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/7/2025 và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Công C trình bày:

Nguyên vào năm 2023, ông vào làm cho Công ty TNHH S1, địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, hai bên có giao kết hợp đồng lao động.

Trong thời gian làm việc tại công ty, ông luôn hoàn thành công việc được giao. Đến tháng 02 năm 2024, Công ty hết đơn hàng và doanh thu không có nên Công ty còn nợ lại tiền lương của công nhân lao động trong đó có ông. Công ty hứa sẽ cố gắng thanh toán tiền lương và tiền bảo hiểm cho ông và động viên ông tiếp tục làm việc cho Công ty.

Vì đã làm việc cho Công ty nhiều năm nên tôi cũng đồng ý tiếp tục ở lại làm việc cho công ty, đến đầu tháng 02 năm 2024, tình trạng công ty ngày càng tồi tệ không có đơn hàng sản xuất nên tạm thời đóng cửa và chuyển sang đơn vị kinh doanh ở Khu công nghiệp T và yêu cầu ông viết đơn xin nghỉ việc.

Công ty còn hứa hẹn là sẽ trả lương, Bảo hiểm cho ông theo "Biên bản làm việc" ngày 20/03/2024, giữa Công ty S1 với người lao động theo như thỏa thuận sau:

- Trong tháng 04/2024, Công ty sẽ trả 50% tiền lương tháng 01/2024 và thanh toán hết phần nợ cơ quan BHXH.

- Trong tháng 05/2024, Công ty sẽ trả 100% tiền lương tháng 02/2024.

- Trong tháng 06/2024, Công ty sẽ trả 100% tiền lương tháng 03/2024.

Kể từ ngày Biên bản làm việc kết thúc, cho đến nay Công ty S1 vẫn còn nợ tiền lương và tiền Bảo hiểm của ông, cụ thể như sau:

- Tiền lương lao động: Tổng số tiền là 33.274.610 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm mười đồng) cụ thể như sau:

+ 50% tiền lương tháng 01/2024 là 8.962.861 đồng (Tám triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi một đồng)

+ Tiền lương tháng 02/2024 là 12.124.239 đồng (Mười hai triệu một trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi chín đồng).

+ Tiền lương tháng 03/2024 là 12.187.510 đồng (Mười hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm mười đồng).

- Tiền Bảo hiểm xã hội tính từ tháng 02/2023 đến tháng 02/2024, với tổng số tiền là 18.571.355 đồng (Mười tám triệu năm trăm bảy mươi một nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng) cụ thể như sau:

+ Đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội cho ông là 03 tháng chưa đóng tổng số tiền là 9.024.000 đồng (Chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng) cụ thể như sau: $9.400.000 \text{ đồng} \times 32\% \times 03 \text{ tháng} = 9.024.000 \text{ đồng}$

+ Tiền Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là 295.826 đồng (Hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng).

+ Tiền Bảo hiểm y tế là 1.183.307 đồng (Một triệu một trăm tám mươi ba nghìn ba trăm lẻ bảy đồng).

Sau đó, ông đã nhiều lần liên hệ với Công ty yêu cầu thanh toán số tiền lương còn lại và tiền Bảo hiểm nhưng Công ty cứ hẹn lần hẹn lượt và né tránh không trả tiền lương và tiền bảo hiểm.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh) xem xét và giải quyết:

Buộc Công ty TNHH S1 phải thanh toán cho ông các khoản, cụ thể như sau:

- Tiền lương lao động: Tổng số tiền là 33.274.610 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm mười đồng) cụ thể như sau:

+ 50% tiền lương tháng 01/2024 là 8.962.861 đồng (Tám triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi một đồng)

+ Tiền lương tháng 02/2024 là 12.124.239 đồng (mười hai triệu một trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi chín đồng).

+ Tiền lương tháng 03/2024 là 12.187.510 đồng (mười hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm mười đồng).

- Đóng Bảo hiểm tính từ tháng 02/2023 đến tháng 02/2024, với tổng số tiền là 10.503.133 đồng (mười triệu năm trăm lẻ ba nghìn một trăm ba mươi ba đồng) cụ thể như sau:

+ Bảo hiểm xã hội cho là 03 tháng chưa đóng tổng số tiền là 9.024.000 đồng (chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Cụ thể như sau: 9.400.000 đồng x 32% x 03 tháng = 9.024.000 đồng

+ Tiền Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là 295.826 đồng (Hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng).

+ Tiền Bảo hiểm y tế là 1.183.307 đồng (Một triệu một trăm tám mươi ba nghìn ba trăm lẻ bảy đồng).

Tổng số tiền lương và tiền bảo hiểm là: 43.777.743 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng), không tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 10/7/2025, ông Nguyễn Công C có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

Buộc Công ty TNHH S1 thanh toán cho ông tiền lương số tiền là 33.274.610 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm mười đồng) và tiền bảo hiểm xã hội là 9.346.841 đồng (Chín triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi một đồng), yêu cầu trả một lần ngay sau khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S1 không đến tòa theo giấy triệu tập, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh L (nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh T) xin vắng mặt nhưng tại văn bản ngày 27/5/2025, trình bày: Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An, xác nhận quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp của ông Nguyễn Công C, mã số BHXH 8008038003, đính kèm bản ghi phụ lục quá trình đóng BHXH, BHTN.

Để xác nhận số BHXH cho người lao động đến thời gian nghỉ việc, đơn vị đóng đủ số tiền phải đóng và tiền lãi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN. Theo đó, tổng số tiền BHXH, BHYT, BHTN phải đóng và lãi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN tính đến tháng 5 năm 2025 của ông Nguyễn Công C là 9.346.841 đồng, trong đó lãi chậm đóng là 1.362.400 đồng.

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác

minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tổ tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH S1 phải trả ½ tháng tiền lương tháng 01 năm 2024, tiền lương của tháng 02 năm 2024, phải tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Công C tính đến tháng 5/2025 số tiền là 9.346.841 đồng (trong đó lãi chậm đóng là 1.362.400 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết:*

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công C nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội sau khi chấm dứt hợp đồng lao động*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty TNHH S1 có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp là: tranh chấp quan hệ lao động theo quy định tại Điều 13 của và tranh chấp về Bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 của Luật Bảo hiểm xã hội.

[1.2]. *Về tư cách tố tụng và phạm vi giải quyết.*

Ông Nguyễn Công C là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S1 là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bảo hiểm xã hội tỉnh L (nay là BHXH tỉnh T) được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Ông Nguyễn Công C khởi kiện Công ty TNHH S1 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm nên ông C có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Ông Nguyễn Công C có nộp sổ Bảo hiểm xã hội số 8008038003, biên bản làm việc ngày 20/3/2024 của Đoàn Công tác liên ngành huyện Đ, tỉnh Long An (cũ), bảng kê danh sách chi trả lương cho người lao động. Bảo hiểm xã hội tỉnh L (nay là BHXH tỉnh T) có văn bản phúc đáp số 1386/BHXH-PQLT-ST ngày 27/5/2025.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét quan hệ pháp luật lao động và yêu cầu đòi tiền lương.

Xét thấy ông Nguyễn Công C có giao kết hợp đồng lao động với Công ty S1, có tham gia bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định pháp luật.

Quá trình làm việc, đến cuối năm 2023 thì Công ty G trong sản xuất nên giữa người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, tại thời điểm hai bên chấm dứt hợp đồng lao động thì chủ sử dụng lao động còn nợ lương của người lao động và các chế độ, chính sách khác.

Theo biên bản làm việc ngày 20/3/2024 của Đoàn công tác liên ngành huyện Đ, tỉnh Long An (cũ) với đại diện Ban Giám đốc Công ty, đại diện Công đoàn cơ sở của Công ty, thể hiện: Công ty TNHH S1 gặp khó khăn, đã ngừng sản xuất từ cuối tháng 2 năm 2024, đã thanh lý tài sản nhưng còn nợ lương người lao động (lương tháng 01 và tháng 02 năm 2024).

Như vậy, ông Nguyễn Đức C1 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S1 thanh toán tiền nợ lương là có căn cứ, phù hợp với Điều 48 của Bộ luật Lao động nên chấp nhận. Tuy nhiên, đối với yêu cầu bị đơn trả nợ lương của tháng 3 năm 2024 trong khi ông C1 không giao nộp tài liệu chứng cứ gì chứng minh là có làm việc thực tế tại công ty trong tháng 3 năm 2024.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH S1 phải thanh toán tiền nợ lương gồm: 50% lương của tháng 01 năm 2024 và tiền lương của tháng 02 năm 2024 là có căn cứ, phù hợp với Điều 48 của Bộ luật Lao động nên chấp nhận.

[2.2]. Về các khoản bảo hiểm:

Căn cứ theo Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của ông Nguyễn Công C (Mã số BHXH: 8008038003) do Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L (cũ) cung cấp ngày 27/5/2025, thể hiện:

Người lao động Nguyễn Công C, mã số BHXH: 8008038003) có quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp tại Công ty TNHH S1. Như vậy, để xác nhận sổ BHXH cho người lao động đến thời gian nghỉ việc, đơn vị đóng đủ số tiền phải đóng và tiền lãi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN. Theo đó, tổng số tiền BHXH,

BHYT, BHTN phải đóng tính đến hết tháng 5/2025 của ông Nguyễn Công C là 9.346.841 đồng, trong đó lãi chậm đóng là 1.362.400 đồng.

Do đó, ông Nguyễn Công C2 khởi kiện Công ty TNHH S1 tham gia, đóng bảo hiểm xã hội cho ông là hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch sung ngân sách nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Lao động;

Căn cứ vào Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86 và khoản 2 Điều 89, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công C về việc: “*Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội sau khi chấm dứt hợp đồng lao động*” với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 phải thanh toán tiền lương (1/2 tháng lương 01, lương 02/2024) cho ông Nguyễn Công C là 8.962.861 đồng + 12.124.239 đồng = 21.087.100 đồng

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 có trách nhiệm tham gia, đóng bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Công C theo sổ BHXH số 8008038003 tính đến hết tháng 5/2025 là 9.346.841 đồng (trong đó lãi chậm đóng là 1.362.400) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất Luật Bảo hiểm xã hội quy định.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự trong công tác thi hành án trên số tiền lương chậm trả.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 phải chịu 932.613 đồng án phí lao động sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Ông Nguyễn Đức C1 không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 3;
- Phòng THADS KV 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Đã ký

Văn Công Thức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh H–Nguyễn Thị Rạt Nguyễn Hữu Q

